SAO Y Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai
Cơ quan:
Thời gian ký: 21.06.2024 16:36:53 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **1847** /QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 19 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2183/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính và quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới; sửa đổi, bổ sung; thay thế và bãi bỏ lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1224/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1450/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/thay thế; thủ tục hành chính đính chính tên và quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới, thay thế, đính chính tên trong lĩnh vực tài nguyên nước, lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 2915/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực tài nguyên nước, lĩnh vực khoáng sản và quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 306/TTr-STNMT ngày 18 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Cấp tỉnh:

- Ban hành mới: 06 thủ tục hành chính, gồm các mã thủ tục: 1.012500, 1.012501, 1.012502, 1.012503, 1.012504, 1.012505.

- Sửa đổi, bổ sung: 11 thủ tục hành chính, gồm:

+ 03 thủ tục hành chính đã được ban hành tại Quyết định số 2183/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính và quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới; sửa đổi,

bổ sung; thay thế và bãi bỏ lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, các mã thủ tục: 1.004283, 1.009669, 2.001770.

+ 01 thủ tục hành chính đã được ban hành tại Quyết định số 1224/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, mã thủ tục: 1.004253.

+ 05 thủ tục hành chính đã được ban hành tại Quyết định số 1450/QĐ-UBND ngày 20/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, các mã thủ tục: 1.004122, 1.004211, 1.004223, 1.004228, 1.004232.

+ 01 thủ tục hành chính đã được ban hành tại Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 17/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/thay thế; thủ tục hành chính đính chính tên và quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới, thay thế, đính chính tên trong lĩnh vực tài nguyên nước, lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện tỉnh Đồng Nai, mã thủ tục: 1.011516.

+ 01 thủ tục hành chính đã được ban hành tại Quyết định số 2915/QĐ-UBND ngày 17/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực tài nguyên nước, lĩnh vực khoáng sản và quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, mã thủ tục: 2.001738.

- Thay thế 06 thủ tục hành chính, gồm:

+ 01 thủ tục hành chính đã được ban hành tại Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 04/4/2023 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện tỉnh Đồng Nai, mã thủ tục: 1.001740.

+ 03 thủ tục hành chính đã được ban hành tại Quyết định số Quyết định số 1450/QĐ-UBND ngày 20/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền

giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, các mã thủ tục: 2.001850, 1.004179, 1.004167.

+ 02 thủ tục hành chính đã được ban hành tại Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 17/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/thay thế; thủ tục hành chính đính chính tên và quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới, thay thế, đính chính tên trong lĩnh vực tài nguyên nước, lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện tỉnh Đồng Nai, mã thủ tục: 1.000824, 1.011518.

- Bãi bỏ: 01 thủ tục hành chính đã được ban hành tại Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 17/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/thay thế; thủ tục hành chính đính chính tên và quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới, thay thế, đính chính tên trong lĩnh vực tài nguyên nước, lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện tỉnh Đồng Nai, mã thủ tục: 1.011517.

2. Cấp huyện: Thay thế 02 thủ tục hành chính đã được ban hành tại Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 04/4/2023 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện tỉnh Đồng Nai, mã thủ tục: 1.001662, 1.001645.

(Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Các thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước được công bố tại các Quyết định số: 2183/QĐ-UBND ngày 30/6/2021, 643/QĐ-UBND ngày 04/4/2023, 1224/QĐ-UBND ngày 26/5/2023, 1450/QĐ-UBND ngày 20/6/2023, 1992/QĐ-UBND ngày 17/8/2023, 2915/QĐ-UBND ngày 17/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh hết hiệu lực thi hành; Các nội dung khác tại các Quyết định này vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Sở Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử và tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn

vị; địa phương; triển khai tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính cho người dân theo quy định tại Quyết định này.

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xây dựng, điều chỉnh quy trình nội bộ, quy trình điện tử của các thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này làm cơ sở để Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thực hiện cấu hình, cập nhật quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên phần mềm Một cửa điện tử (Egov) của tỉnh theo quy định.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện cập nhật nội dung các thủ tục hành chính đã được công bố trên Cổng dịch vụ công của tỉnh để công khai; cấu hình quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính đã được công bố trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh (Phần mềm một cửa điện tử - Egov) theo quy định. Thực hiện cấu hình, tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Sơn Hùng

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Q. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đồng Nai; Đài PT- TH Đồng Nai;
- Tổng đài DVC 1022 (phối hợp công khai);
- Lưu: VT, KTN, HCC, Cổng TTĐT.

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG/ THAY THẾ, BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1847/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung)[1]	Ghi chú[2]
I	**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI**							
1	1.012500	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	23 ngày	**Nộp hồ sơ tại:** - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC) tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật (Địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Sở Tài nguyên và Môi trường.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*

[1] ***Phần chữ In nghiêng là Nội dung sửa đổi, bổ sung***

[2] ***Đã được cập nhật công khai trên Cổng dịch vụ công Quốc gia*** *(https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-tthc-quyet-dinh-cong-bo.html)*

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung)[1]	Ghi chú[2]
2	1.012501	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	08 ngày làm việc	**Nộp hồ sơ tại:** - Trực tiếp tại TTPVHCC của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Sở Tài nguyên và Môi trường - *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*
3	1.012502	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	14 ngày	**Nộp hồ sơ tại:** - Trực tiếp tại TTPVHCC của tỉnh hoặc Bộ phận Một cửa UBND cấp xã (Địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung)[1]	Ghi chú[2]
4	1.012503	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	30 ngày	**Nộp hồ sơ tại:** - Trực tiếp tại TTPVHCC của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Sở Tài nguyên và Môi trường - *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT.	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*
5	1.012504	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	30 ngày	**Nộp hồ sơ tại:** - Trực tiếp tại TTPVHCC của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Sở Tài nguyên và Môi trường - *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT.	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung)[1]	Ghi chú[2]
6	1.012505	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	26 ngày	**Nộp hồ sơ tại:** - Trực tiếp tại TTPVHCC của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật (Địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Sở Tài nguyên và Môi trường.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*
II	**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**							
1	1.004232	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m^3/ngày đêm	45 ngày	**Nộp hồ sơ tại:** - Trực tiếp tại TTPVHCC của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật. (Địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Sở Tài nguyên và Môi trường.	**- Nộp trực tiếp:** + 2.500.000 đồng: Đối với Đề án thiết kế giếng có lưu lượng nước dưới 200m^3/ngày đêm. + 7.500.000 đồng: Đối với Đề án, báo cáo thăm dò nước dưới đất có lưu lượng nước từ 200m^3 đến dưới	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Nghị quyết số 16/2020/NĐ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh. - Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung)[1]	Ghi chú[2]
						3.000m^3/ngày đêm. **- Nộp trực tuyến:** + 1.250.000 đồng: Đối với Đề án thiết kế giếng có lưu lượng nước dưới 200m^3/ngày đêm. + 3.750.000 đồng: Đối với Đề án, báo cáo thăm dò nước dưới đất có lưu lượng nước từ 200m^3 đến dưới 3.000m^3/ngày đêm.	HĐND tỉnh.	
2	1.004228	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m^3/ngày đêm	38 ngày	**Nộp hồ sơ tại:** - Trực tiếp tại TTPVHCC của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật (Địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Sở Tài nguyên và Môi trường.	**- Nộp trực tiếp:** + 2.000.000 đồng: Đề án, Báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung thiết kế giếng thăm dò nước dưới đất có lưu lượng nước dưới 200 m^3/ngày đêm. + 6.000.000 đồng: Đề án, Báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò, khai thác nước	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Nghị quyết số 16/2020/NĐ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh. - Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung)[1]	Ghi chú[2]
						dưới đất có lưu lượng nước từ 200 m^3 đến dưới 3.000 m^3/ngày đêm. **- Nộp trực tuyến:** + 1.000.000 đồng: Đề án, Báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung thiết kế giếng thăm dò nước dưới đất có lưu lượng nước dưới 200 m^3/ngày đêm. + 3.000.000 đồng: Đề án, Báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò, khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước từ 200 m^3 đến dưới 3.000 m^3/ngày đêm.	29/9/2023 của HĐND tỉnh.	
3	1.004223	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m^3/ngày đêm	45 ngày	**Nộp hồ sơ tại:** - Trực tiếp tại TTPVHCC của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật (Địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa,	- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - *Cơ quan trực*	**- Nộp trực tiếp:** + 2.500.000 đồng: Đối với báo cáo kết quả thi công giếng có lưu lượng dưới 200m^3/ngày đêm.	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Nghị quyết số 16/2020/NĐ-	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi*

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung)[1]	Ghi chú[2]
				tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	*tiếp thực hiện*: Sở Tài nguyên và Môi trường.	+ 7.500.000 đồng: Đối với báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất có lưu lượng nước từ 200m^3 đến dưới 3.000m^3/ngày đêm. + 2.500.000 đồng: Đối với báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất trường hợp công trình khai thác đang hoạt động có lưu lượng nước dưới 200m^3/ngày đêm. + 7.500.000 đồng: Đối với báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất trường hợp công trình khai thác đang hoạt động có lưu lượng nước từ 200m^3 đến dưới 3.000m^3/ngày đêm. **- Nộp trực tuyến:** + 1.250.000 đồng: Đối với báo cáo kết	HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh. - Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh.	*trường*

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung)[1]	Ghi chú[2]
						quả thi công giếng có lưu lượng dưới 200m^3/ngày đêm. + 3.750.000 đồng: Đối với báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất có lưu lượng nước từ 200m^3 đến dưới 3.000m^3/ngày đêm. + 1.250.000 đồng: Đối với báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất trường hợp công trình khai thác đang hoạt động có lưu lượng nước dưới 200m^3/ngày đêm. + 3.750.000 đồng: Đối với báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất trường hợp công trình khai thác đang hoạt động có lưu lượng nước từ 200m^3 đến dưới 3.000m^3/ngày đêm.		

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung)[1]	Ghi chú[2]
4	1.004211	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m^3/ngày đêm	38 ngày	**Nộp hồ sơ tại:** - Trực tiếp tại TTPVHCC của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật (Địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Sở Tài nguyên và Môi trường.	**- Nộp trực tiếp:** + 2.000.000 đồng: Đề án, báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước dưới 200m^3/ngày đêm. + 6.000.000 đồng: Đề án, báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước từ 200m^3 đến dưới 3.000m^3/ngày đêm. **- Nộp trực tuyến:** + 1.000.000 đồng: Đề án, báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước dưới 200m^3/ngày đêm. + 3.000.000 đồng:	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Nghị quyết số 16/2020/NĐ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh. - Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh.	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung)[1]	Ghi chú[2]
						Đề án, báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước từ 200m^3 đến dưới 3.000m^3/ngày đêm.		
5	1.004122	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	24 ngày	**Nộp hồ sơ tại:** - Trực tiếp tại TTPVHCC của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích . (Địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Sở Tài nguyên và Môi trường - *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường	**- Nộp trực tiếp:** + 2.500.000 đồng: Đối với quy mô nhỏ + 7.500.000 đồng: Đối với quy mô vừa. **- Nộp trực tuyến:** + 1.250.000 đồng: Đối với quy mô nhỏ + 3.750.000 đồng: Đối với quy mô vừa.	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Nghị quyết số 16/2020/NĐ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh. - Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh.	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung)[1]	Ghi chú[2]
6	2.001738	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	17 ngày	**Nộp hồ sơ tại:** - Trực tiếp tại TTPVHCC của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật (Địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: Sở Tài nguyên và Môi trường - *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường	**- Nộp trực tiếp:** + 2.000.000 đồng: Đối với quy mô nhỏ + 6.000.000 đồng: Đối với quy mô vừa. **- Nộp trực tuyến:** + 1.000.000 đồng: Đối với quy mô nhỏ + 3.000.000 đồng: Đối với quy mô vừa	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. - Nghị quyết số 16/2020/NĐ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh. - Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh.	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7	1.004253	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	08 ngày làm việc	**Nộp hồ sơ tại:** - Trực tiếp tại TTPVHCC của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Sở Tài nguyên và Môi trường - *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung)[1]	Ghi chú[2]
8	1.009669	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	26 ngày	**Nộp hồ sơ tại:** - Trực tiếp tại TTPVHCC của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật (Địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Sở Tài nguyên và Môi trường.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*
9	2.001770	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	45 ngày hoặc 38 ngày	**Nộp hồ sơ tại:** - Trực tiếp tại TTPVHCC của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật (Địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Sở Tài nguyên và Môi trường.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý (Sửa đổi, bổ sung)[1]	Ghi chú[2]
10	1.004283	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	21 ngày	**Nộp hồ sơ tại:** - Trực tiếp tại TTPVHCC của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật (Địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Sở Tài nguyên và Môi trường.sản	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*
11	1.011516	Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển	14 ngày	**Nộp hồ sơ tại:** - Trực tiếp tại TTPVHCC của tỉnh hoặc Bộ phận Một cửa của UBND cấp xã hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Sở Tài nguyên và Môi trường.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*
III	**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ**							

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời gian giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định TTHC thay thế	Ghi chú
1	1.004179	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thuỷ lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m^3/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m^3, hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m^3/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m^3, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m^3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m^3/ngày đêm; cấp giấy phép khai	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024)	45 ngày	**Nộp hồ sơ tại:** - Trực tiếp tại TTPVHCC của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật (Địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Sở Tài nguyên và Môi trường.	**- Nộp trực tiếp:** + 7.500.000 đồng: Thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt (đối với trường hợp chưa có công trình khai thác) + 7.500.000 đồng: Thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác, sử dung nước mặt (đối với trường hợp đã có công trình khai thác) **- Nộp trực tuyến:**	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP tỉnh - Nghị quyết số 16/2020/NĐ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh. - Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh.	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời gian giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định TTHC thay thế	Ghi chú
		thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m^3/ngày đêm					+ 3.750.000 đồng: Thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt (đối với trường hợp chưa có công trình khai thác) + 3.750.000 đồng: Thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác, sử dung nước mặt (đối với trường hợp đã có công trình khai thác)		
2	1.004167	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thuỷ	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	38 ngày	**Nộp hồ sơ tại:** - Trực tiếp tại TTPVHCC của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật	- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - *Cơ quan trực*	**- Nộp trực tiếp:** 6.000.000 đồng: Đề án, báo cáo gia hạn, điều	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày*

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời gian giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định TTHC thay thế	Ghi chú
		lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m^3/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m^3, hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m^3/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m^3, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m^3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m^3/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m^3/ngày đêm			(Địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	*tiếp thực hiện*: Sở Tài nguyên và Môi trường.	chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt. **- Nộp trực tuyến:** - 3.000.000 đồng: Đề án, báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt.	- Nghị quyết số 16/2020/NĐ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh. - Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh.	*10/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời gian giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định TTHC thay thế	Ghi chú
3	1.011518	Trả lại giấy phép tài nguyên nước	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	23 ngày	**Nộp hồ sơ tại:** - Trực tiếp tại TTPVHCC của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật (Địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Sở Tài nguyên và Môi trường.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời gian giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định TTHC thay thế	Ghi chú
4	1.000824	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	17 ngày	**Nộp hồ sơ tại:** - Trực tiếp tại TTPVHCC của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật (Địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Sở Tài nguyên và Môi trường.	Do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*
5	2.001850	Thẩm định, phê duyệt phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi	Thẩm định, phê duyệt phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện	49 ngày	**Nộp hồ sơ tại:** - Trực tiếp tại TTPVHCC của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Sở Tài nguyên và Môi trường.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời gian giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định TTHC thay thế	Ghi chú
6	1.001740	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên dòng chính lưu vực sông liên tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước liên tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m^3/giây trở lên	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	56 ngày	**Nộp hồ sơ tại:** - Trực tiếp tại TTPVHCC của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (Địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: https://dichvucong.dongnai.gov.vn/	- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Sở Tài nguyên và Môi trường.	Kinh phí tổ chức lấy ý kiến do tổ chức, cá nhân đầu tư dự án chi trả	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*

IV	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ							
TT	**Mã TTHC**	**Tên thủ tục hành chính**	**Thời hạn giải quyết**	**Địa điểm thực hiện**	**Cơ quan thực hiện**	**Phí, lệ phí**	**Căn cứ pháp lý**	**Ghi chú**

1	1.011517	Đăng ký khai thác nước dưới đất	15 ngày làm việc	**Nộp hồ sơ tại:** Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. (Địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)	- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: Sở Tài nguyên và Môi trường - *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Sở Tài nguyên và Môi trường	-	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.	Bãi bỏ theo Quyết định số *Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời gian giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định TTHC thay thế	Ghi chú
I	**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ**								
1	1.001662	Đăng ký khai thác nước dưới đất	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	14 ngày	**Nộp trực tiếp tại:** Bộ phận Một cửa cấp huyện hoặc Bộ phận Một cửa cấp xã	- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: UBND cấp huyện - *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: UBND cấp huyện	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*

2	1.001645	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên sông suối nội tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước nội tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m^3/giây trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất (gồm một hoặc nhiều giếng khoan, giếng đào, hố đào, hành lang, mạch lộ, hang động khai thác nước dưới đất thuộc sở hữu của một tổ chức, cá nhân và có khoảng cách liền kề giữa chúng không lớn hơn 1.000 m) có lưu lượng từ 12.000 m^3/ngày đêm trở lên	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp huyện)	42 ngày	**Nộp trực tiếp tại:** Bộ phận Một cửa cấp huyện	- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: UBND cấp huyện - *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Phòng Tài nguyên và Môi trường	Kinh phí tổ chức lấy ý kiến do tổ chức, cá nhân đầu tư dự án chi trả	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.	*Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*